

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Tư vấn Xây dựng điện 1, thành lập theo Quyết định số 350NL/TCCB-LĐ ngày 19 tháng 6 năm 1993 của Bộ Năng lượng, là đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty được cổ phần hoá thành Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 theo Quyết định số 3907/QĐ-BCN ngày 28/12/2006 của Bộ Công nghiệp. Hiện Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021734 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/01/2008. Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 100.000.000.000 đồng, chia thành 10.000.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó: Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 5.433.651 cổ phần tương ứng 54.336.510.000 đồng, chiếm 54,34% vốn điều lệ; các cổ đông khác nắm giữ 4.566.349 cổ phần tương ứng 45.663.490.000 đồng, chiếm 45,66% vốn điều lệ.

Hiện nay, người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Lê Văn Lược.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Km 9 + 200, Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính:

- Khảo sát thiết kế các công trình điện;
- Gia công, thử nghiệm cột điện bằng thép;
- Xây dựng, sửa chữa thủy điện nhỏ;
- Xây dựng lưới điện từ 35 KV trở xuống;
- Nghiên cứu lập dự án đầu tư;
- Thiết kế các công trình điện tất cả các giai đoạn;
- Khảo sát xây dựng, khảo sát môi trường, thí nghiệm địa chất, vật liệu xây dựng...phục vụ thiết kế;
- Thẩm định đồ án thiết kế công trình điện không do Công ty thiết kế;
- Tổng thầu khảo sát, thiết kế và quản lý dự án các công trình điện trong phạm vi của Tập đoàn;
- Lập hồ sơ vật tư, thiết bị phục vụ cho chào thầu các công trình điện, kiểm định chất lượng xây dựng các công trình điện trong phạm vi của Tập đoàn;
- Tư vấn đấu thầu, tư vấn Hợp đồng kinh tế công trình điện;
- Tư vấn dịch vụ và xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện và các công trình công nghiệp, dân dụng khác bao gồm: công tác điều tra, khảo sát, lập dự án đầu tư, lập quy hoạch xây dựng, khảo sát, thiết kế và lập dự toán công trình, lập hồ sơ và dịch vụ tổ chức đấu thầu về thiết kế, mua sắm trang thiết bị, xây lắp công trình, giám sát xây dựng, nhận thầu quản lý xây dựng;
- Gia công thử nghiệm cột điện các loại;
- Xây dựng sửa chữa thủy điện nhỏ;
- Tư vấn thiết kế công trình viễn thông;
- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Khai thác, lọc nước phục vụ công nghiệp và sinh hoạt
- Dịch vụ khảo sát và đo vẽ bản đồ (địa hình, địa chính);
- Xây lắp các công trình lưới điện có cấp điện áp đến 110KV;
- Thiết kế, chế tạo thiết bị cơ khí điện lực;
- Kiểm định công trình xây dựng và các dịch vụ thí nghiệm, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

- 1 Khối Cơ quan Công ty
- 2 Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng điện I
- 3 Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng điện II
- 4 Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng điện III
- 5 Xí nghiệp Dịch vụ Khoa học kỹ thuật

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 28 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH TRONG NĂM VÀ SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngoài các sự kiện trình bày tại thuyết minh số VII.1, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện bất thường hoặc sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán nào có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Nguyễn Quyết Thắng	Chủ tịch
Ông Lê Văn Lực	Thành viên
Ông Lê Minh Hà	Thành viên
Ông Nhâm Văn Tuấn	Thành viên
Ông Chu Văn Tiến	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc điều hành và Kế toán trưởng:

Ông Lê Văn Lực	Tổng Giám đốc (từ ngày 02/01/2008)
Ông Doãn Kim Thuyên	Phó tổng Giám đốc (từ ngày 02/01/2008)
Ông Nguyễn Đức Thành	Phó tổng Giám đốc (từ ngày 02/01/2008)
Ông Nguyễn Tài Sơn	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 02/01/2008)
Ông Lê Minh Hà	Kế toán trưởng (từ ngày 02/01/2008)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Lê Văn Lực

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2009

Số: 199 /2009/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008*

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 (sau đây gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 từ trang 07 đến trang 28 kèm theo gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2008 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Tuy nhiên, cuộc kiểm toán của chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau:

Tại ngày 31/12/2008, tổng số chi phí dự phòng công nợ phải thu khó đòi cần trích lập của Công ty là 5.654.759.406 đồng, tuy nhiên Công ty mới trích lập với số tiền 726.654.771 đồng, số còn lại được Công ty đánh giá vẫn có khả năng thu hồi nên chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm 2008.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 tại ngày 31/12/2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP THEO)

Báo cáo kiểm toán này phát hành thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 76/2009/UHY-BCKT ngày 30/03/2009 về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 sau khi bổ sung các thủ tục kiểm toán liên quan đến công nợ phải thu, phải trả và các khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.



Đào Xuân Dũng

Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0284/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY (UHY LTD)

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2009



Nguyễn Minh Long

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0666/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2008	Tại 01/01/2008
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		516.769.171.543	420.124.480.084
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	44.195.957.932	34.730.282.374
1. Tiền	111		44.195.957.932	34.730.282.374
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		265.752.486.250	191.895.219.655
1. Phải thu khách hàng	131		244.143.036.359	183.985.896.392
2. Trả trước cho người bán	132		17.947.584.536	4.782.563.367
5. Các khoản phải thu khác	138	V.02	3.661.865.355	3.126.759.896
IV. Hàng tồn kho	140	V.03	190.918.472.152	177.533.134.864
1. Hàng tồn kho	141		190.918.472.152	177.533.134.864
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.902.255.209	15.965.843.191
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.640.268.591	1.449.315.457
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	835.000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	61.774.928	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		14.200.211.690	14.515.692.734
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		100.986.744.167	125.838.823.903
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		31.073.983.249	47.148.729.876
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		24.739.316.583	32.057.574.424
4. Phải thu dài hạn khác	218		7.061.321.437	15.091.155.452
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(726.654.771)	-
II. Tài sản cố định	220		65.232.658.870	75.051.873.476
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	35.909.120.893	41.877.758.744
- Nguyên giá	222		112.586.980.226	108.501.413.579
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(76.677.859.333)	(66.623.654.835)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	29.222.211.014	33.174.114.732
- Nguyên giá	228		42.795.978.542	42.565.453.542
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.573.767.528)	(9.391.338.810)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		101.326.963	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		363.138.000	363.138.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.07	363.138.000	363.138.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.316.964.048	3.275.082.551
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	1.935.564.048	893.682.551
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.381.400.000	2.381.400.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		617.755.915.710	545.963.303.987

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2008

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2008	Tại 01/01/2008
1	2	3	5	6
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		499.970.642.923	422.879.884.109
I. Nợ ngắn hạn	310		486.321.622.077	419.596.527.937
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	121.758.278.185	92.858.482.426
2. Phải trả người bán	312		24.263.826.697	31.602.460.413
3. Người mua trả tiền trước	313		107.294.415.188	102.657.644.169
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	28.637.203.705	15.675.055.546
5. Phải trả người lao động	315		143.458.212.430	143.668.018.753
6. Chi phí phải trả	316		2.858.998.910	1.250.347.271
7. Phải trả nội bộ	317	V.11	14.367.989.061	8.934.338.061
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	43.682.697.901	22.950.181.298
II. Nợ dài hạn	330		13.649.020.846	3.283.356.172
1. Phải trả dài hạn người bán	331		13.649.020.846	3.283.356.172
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		117.785.272.787	123.083.419.878
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	117.849.622.787	123.083.419.878
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	123.083.419.878
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		17.849.622.787	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(64.350.000)	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		(64.350.000)	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		617.755.915.710	545.963.303.987

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2008

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại 31/12/2008	Tại 01/01/2008
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	4.432.258.189
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		10.912,06	3.534,42
- EURO		703,90	718,17
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Lê Văn Lực
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2009

Lê Minh Hà
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	449.566.183.490	420.870.015.742
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.01	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	449.566.183.490	420.870.015.742
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	359.242.497.368	341.673.376.249
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		90.323.686.122	79.196.639.493
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.340.969.154	877.253.176
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	16.281.407.959	10.794.800.792
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.276.816.759	10.774.229.462
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		37.526.016.582	34.805.052.187
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		37.857.230.735	34.474.039.690
11. Thu nhập khác	31		516.789.012	653.235.795
12. Chi phí khác	32		261.130.639	288.076.937
13. Lợi nhuận khác	40		255.658.373	365.158.858
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		38.112.889.108	34.839.198.548
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.05	10.719.476.321	9.781.327.746
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.393.412.787	25.057.870.802
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)			2.739,341	

(*) Năm 2007, Công ty thuộc loại hình Doanh nghiệp Nhà nước nên không trình bày chỉ tiêu này.



Lê Văn Lực
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2009

Lê Minh Hà
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2008	Năm 2007
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	38.112.889.108	34.839.198.548
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	2	16.979.159.001	17.538.593.062
- Các khoản dự phòng	3	-	(1.030.312.100)
- Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	-	-
- Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5	(1.499.226.730)	(834.447.413)
- Chi phí lãi vay	6	16.276.816.759	10.774.229.462
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	69.869.638.138	61.287.261.559
- Tăng giảm các khoản phải thu	9	(58.254.633.623)	(13.867.468.162)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(13.385.337.288)	(19.414.286.992)
- Tăng giảm các khoản phải trả	11	56.848.702.566	17.101.442.716
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(1.232.834.631)	(22.327.227)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(13.405.478.053)	(10.470.807.309)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.473.955.673)	(9.947.073.316)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	7.510.881
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(34.353.498.408)	(21.169.992.470)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.612.603.028	3.504.259.680
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(865.631.097)	(5.147.455.072)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	158.257.576	10.875.541
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	910.572.968	668.774.396
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	203.199.447	(4.467.805.135)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2008	Năm 2007
1	2	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	161.473.416.021	154.161.974.536
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(149.713.403.938)	(148.539.484.614)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.110.139.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	7.649.873.083	5.622.489.922
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	9.465.675.558	4.658.944.467
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	34.730.282.374	30.071.337.907
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	44.195.957.932	34.730.282.374



Lê Văn Lực
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2009

Lê Minh Hà
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103021734 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/01/2008. Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 100.000.000.000 đồng, chia thành 10.000.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó: Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 5.433.651 cổ phần tương ứng 54.336.510.000 đồng, chiếm 54,34% vốn điều lệ; các cổ đông khác nắm giữ 4.566.349 cổ phần tương ứng 45.663.490.000 đồng, chiếm 45,66% vốn điều lệ.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty Tư vấn Xây dựng điện 1, thành lập theo Quyết định số 350NL/TCCB-LĐ ngày 19 tháng 6 năm 1993 của Bộ Năng lượng, là đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Công ty được cổ phần hoá thành Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 theo Quyết định số 3907/QĐ-BCN ngày 28/12/2006 của Bộ Công nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Km 9 + 200, Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

2. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính

- Khảo sát thiết kế các công trình điện;
- Gia công, thử nghiệm cột điện bằng thép;
- Xây dựng, sửa chữa thủy điện nhỏ;
- Xây dựng lưới điện từ 35 KV trở xuống;
- Nghiên cứu lập dự án đầu tư;
- Thiết kế các công trình điện tất cả các giai đoạn;
- Khảo sát xây dựng, khảo sát môi trường, thí nghiệm địa chất, vật liệu xây dựng...phục vụ thiết kế;
- Thẩm định đồ án thiết kế công trình điện không do Công ty thiết kế;
- Tổng thầu khảo sát, thiết kế và quản lý dự án các công trình điện trong phạm vi của Tập đoàn;
- Lập hồ sơ vật tư, thiết bị phục vụ cho chào thầu các công trình điện, kiểm định chất lượng xây dựng các công trình điện trong phạm vi của Tập đoàn;
- Tư vấn đấu thầu, tư vấn Hợp đồng kinh tế công trình điện;
- Tư vấn dịch vụ và xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện và các công trình công nghiệp, dân dụng khác bao gồm: công tác điều tra, khảo sát, lập dự án đầu tư, lập quy hoạch xây dựng, khảo sát, thiết kế và lập dự toán công trình, lập hồ sơ và dịch vụ tổ chức đấu thầu về thiết kế, mua sắm trang thiết bị, xây lắp công trình, giám sát xây dựng, nhận thầu quản lý xây dựng;
- Gia công thử nghiệm cột điện các loại;
- Xây dựng sửa chữa thủy điện nhỏ;
- Tư vấn thiết kế công trình viễn thông;
- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Khai thác, lọc nước phục vụ công nghiệp và sinh hoạt
- Dịch vụ khảo sát và đo vẽ bản đồ (địa hình, địa chính);
- Xây lắp các công trình lưới điện có cấp điện áp đến 110KV;
- Thiết kế, chế tạo thiết bị cơ khí điện lực;
- Kiểm định công trình xây dựng và các dịch vụ thí nghiệm, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 của Công ty được lập theo chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính ngày 20/03/2006, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 được lập trên cơ sở hợp cộng các Báo cáo tài chính hàng năm của các đơn vị hạch toán phụ thuộc bao gồm:

- 1 Khôi Cơ quan Công ty
- 2 Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng điện I
- 3 Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng điện II
- 4 Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng điện III
- 5 Xí nghiệp Dịch vụ Khoa học kỹ thuật

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4. Các khoản phải thu và dự phòng

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về tài chính kế toán hiện hành tại Việt Nam. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo cam kết, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4. Các khoản phải thu và dự phòng (tiếp theo)

Tổng số công nợ phải thu quá hạn của Công ty từ các các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại ngày 31/12/2008 là 6.091.740.765 đồng, theo quy định hiện hành, các khoản công nợ trên cần được trích lập dự phòng phải thu khó đòi với tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng số dư nợ, tuy nhiên theo đánh giá của Ban lãnh đạo Công ty, các khách hàng này là doanh nghiệp trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam nên vẫn có khả năng thu hồi và số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 nên Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2008.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Đối với các hợp đồng tư vấn và các công trình xây dựng dở dang tại ngày kết thúc niên độ kế toán, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo các chi phí trực tiếp thực tế phát sinh cho từng công trình cộng với các chi phí sản xuất chung phân bổ và tiền lương nhân công tương ứng với phần công việc dở dang chưa xác định doanh thu trong năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá thị trường tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị thực hiện dở dang của các công trình không biến động trên 03 năm của Công ty khoảng 11,2 tỷ đồng, phần lớn là các công trình đang trong thời gian chờ quyết toán; Công ty đánh giá các chi phí này vẫn có khả năng thu hồi.

6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản hữu hình ước tính như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

Loại tài sản	Số năm sử dụng (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
- Máy móc, thiết bị	5 - 10
- Phương tiện vận tải	6 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
- Các tài sản cố định khác	3 - 5

7. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và lợi thế thương mại. Chi tiết Tài sản cố định vô hình như sau:

- Quyền sử dụng đất: khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao từ 3 - 10 năm.
- Phần mềm máy tính: khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao trong 3 năm.
- Lợi thế thương mại: Trong năm 2006, Công ty có thực hiện đánh giá giá trị doanh nghiệp theo phương pháp dòng tiền chiết khấu phục vụ cho mục đích cổ phần hoá doanh nghiệp. Theo đó, giá trị tài sản của Công ty được đánh giá tăng thêm 35.686.714.887đ. Công ty tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao trong 10 năm.

8. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí về đầu tư xây dựng và các chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chưa hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Khi các công trình này hoàn thành và được Công ty phê duyệt theo phân cấp, các chi phí đầu tư xây dựng dở dang sẽ được chuyển thành tài sản cố định.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 2 - 3 năm.

10. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu và chi phí của công trình xây lắp được ghi nhận khi công trình đã hoàn thành được bàn giao và khách hàng chấp nhận thanh toán. Ngoài ra, đối với các công trình xây dựng dở

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

10. Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

đang, doanh thu và chi phí liên quan được xác định tương ứng với các phần công việc (hạng mục) đã nghiệm thu có xác nhận của chủ đầu tư (Bên A).

Đối với các công trình đã hoàn thành và ghi nhận doanh thu của các năm trước nhưng khi quyết toán của các cơ quan có thẩm quyền mà bị cắt giảm giá trị thanh toán sẽ được Công ty điều chỉnh giảm doanh thu và công nợ tương ứng của năm hiện hành.

Doanh thu hoạt động tài chính là lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các liên doanh mà Công ty tham gia góp vốn, lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

11. Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hoạt động khảo sát, thiết kế được xác định căn cứ theo tỷ lệ hoàn thành của công trình đã nghiệm thu trong kỳ.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Các khoản tổn thất hoặc chi phí sản xuất kinh doanh dở dang không có khả năng thu hồi trong tương lai được xem xét ghi nhận giá vốn hàng bán của kỳ phát sinh nghiệp vụ.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong kỳ kế toán.

12. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế Giá trị gia tăng

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ;

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với các hoạt động của Công ty là 5% và 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 28%.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các qui định hiện hành của Nhà nước.

15. Bên liên quan

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết và quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại 31/12/2008	Tại 01/01/2008
	VND	VND
Tiền mặt	875.712.106	5.977.879.560
Tiền gửi ngân hàng	43.320.245.826	28.752.402.814
Cộng	44.195.957.932	34.730.282.374

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

2. Các khoản phải thu khác

	Tại 31/12/2008 VND	Tại 01/01/2008 VND
Phải thu khác		
- Phải thu về cổ phần hoá	400.000.000	400.000.000
- Phải thu khác	3.261.865.355	2.726.759.896
Cộng	3.661.865.355	3.126.759.896

3. Hàng tồn kho

	Tại 31/12/2008 VND	Tại 01/01/2008 VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.398.589.680	628.317.877
Công cụ, dụng cụ	64.372.727	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	189.455.509.745	176.904.816.987
Cộng	190.918.472.152	177.533.134.864
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	190.918.472.152	177.533.134.864

4. Các khoản thuế phải thu Nhà nước

	Tại 31/12/2008 VND	Tại 01/01/2008 VND
Các khoản thuế nộp thừa Nhà nước	61.774.928	-
Cộng	61.774.928	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2008	25.016.585.020	30.397.455.252	33.935.179.334	18.827.689.190	324.504.783	108.501.413.579
- Mua trong năm	16.363.637	3.208.348.160	1.575.472.289	1.612.911.891	138.450.000	6.551.545.977
- Tặng khác	136.261.000	-	107.285.455	-	-	243.546.455
- Thanh lý, nhượng bán	14.490.000	10.220.293	623.840.730	2.060.974.762	-	2.709.525.785
Tại 31/12/2008	25.154.719.657	33.595.583.119	34.994.096.348	18.379.626.319	462.954.783	112.586.980.226
GIÁ TRỊ HAO MÓN LUY KẾ						
Tại 01/01/2008	9.776.572.313	20.010.175.832	23.657.375.117	12.909.647.791	269.883.782	66.623.654.835
- Khấu hao trong năm	2.489.670.917	3.672.003.032	3.443.330.190	3.111.169.148	47.556.996	12.763.730.283
- Thanh lý, nhượng bán	14.490.000	10.220.293	623.840.730	2.060.974.762	-	2.709.525.785
Tại 31/12/2008	12.251.753.230	23.671.958.571	26.476.864.577	13.959.842.177	317.440.778	76.677.859.333
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2008	15.240.012.707	10.387.279.420	10.277.804.217	5.918.041.399	54.621.001	41.877.758.744
Tại 31/12/2008	12.902.966.427	9.923.624.548	8.517.231.771	4.419.784.142	145.514.005	35.909.120.893

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình				
Tại 01/01/2008	1.443.177.942	5.435.560.713	35.686.714.887	42.565.453.542
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Tặng khác	-	263.525.000	-	263.525.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	33.000.000	-	33.000.000
- Lũy kế giảm khác	-	-	-	-
Tại 31/12/2008	1.443.177.942	5.666.085.713	35.686.714.887	42.795.978.542
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại 01/01/2008	1.060.363.323	4.723.931.186	3.607.044.301	9.391.338.810
- Khấu hao trong năm	2.178.000	644.579.232	3.568.671.486	4.215.428.718
- Thanh lý, nhượng bán	-	33.000.000	-	33.000.000
Tại 31/12/2008	1.062.541.323	5.335.510.418	7.175.715.787	13.573.767.528
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình				
Tại 01/01/2008	382.814.619	711.629.527	32.079.670.586	33.174.114.732
Tại 31/12/2008	380.636.619	330.575.295	28.510.999.100	29.222.211.014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Đầu tư dài hạn khác

	Tại 31/12/2008	Tại 01/01/2008
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác (*)	363.138.000	363.138.000
Cộng	363.138.000	363.138.000

(*) Phản ánh khoản góp vốn đầu tư từ năm 1991 thành lập Công ty Liên doanh Vietconsult International Corporation (VIC) giữa Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1, Công ty Tư vấn Xây dựng điện 2, Viện Khảo sát thiết kế thủy lợi Nam Bộ và Công ty TNHH Nippon Koei của Nhật Bản với thời hạn là 20 năm để thực hiện các dịch vụ tư vấn kỹ thuật trong lĩnh vực khảo sát, thiết kế và xây dựng. Theo Giấy phép đầu tư, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 góp 13,3% vốn góp trong Liên doanh.

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại 31/12/2008	Tại 01/01/2008
	VND	VND
Chi phí CCDC chưa phân bổ	1.823.456.448	893.682.551
Tiền thuê đất	112.107.600	-
Cộng	1.935.564.048	893.682.551

9. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

	Tại 31/12/2008	Tại 01/01/2008
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
+ Vay Ngân hàng Công thương Hà Tây, lãi suất từ 0,95% đến 1,25%/ tháng	83.081.194.532	53.726.750.000
+ Vay Ngân hàng Đầu tư phát triển Đà Nẵng, lãi suất từ 0,81% - 0,84%/tháng	-	4.000.000.000
+ Vay Ngân hàng Ngoại thương Gia lai, lãi suất 1,02%/tháng	2.500.000.000	10.000.000.000
+ Vay Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Hà Nội, lãi suất từ 0,89% - 1,104%/tháng	-	3.500.000.000
+ Khoản vay cá nhân, lãi suất từ 1% - 1,75%/tháng	36.177.083.653	21.631.732.426
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	121.758.278.185	92.858.482.426

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại 31/12/2008	Tại 01/01/2008
	VND	VND
Thuế GTGT	10.661.727.942	10.221.535.685
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.761.215.259	4.916.918.336
Thuế thu nhập cá nhân	407.162.460	-
Các loại thuế, phí khác	12.807.243.519	536.601.525
Cộng	28.637.349.180	15.675.055.546

11. Phải trả nội bộ

	Tại 31/12/2008	Tại 01/01/2008
	VND	VND
Phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	14.367.989.061	8.934.338.061
+ Phải trả phải nộp khác	14.367.989.061	8.934.338.061
Cộng	14.367.989.061	8.934.338.061

12. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Tại 31/12/2008	Tại 01/01/2008
	VND	VND
Bảo hiểm y tế	213.585.279	940.000.115
Bảo hiểm xã hội	234.329.395	214.569.755
Kinh phí công đoàn	4.849.467.551	2.985.781.438
Các khoản phải trả, phải nộp khác	38.385.315.676	18.809.829.990
Cộng	43.682.697.901	22.950.181.298

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Vốn Chủ sở hữu

13a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Nguồn vốn đầu tư XDCB		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND		VND		VND		VND		VND		
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Tại ngày 01/01/2007	112.179.614.680	2.926.740.293	8.581.933.855	264.554.949	23.199.594.160						147.152.437.937
- Tăng vốn trong năm trước	16.658.267.198	74.218.827	4.695.049.312		114.826.374.945						136.253.910.282
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	5.754.462.000	74.218.827	240.995.107	102.600	138.025.969.105						144.095.747.639
- Giảm khác	-	2.926.740.293	13.035.988.060	264.452.349	-						16.227.180.702
Tại ngày 31/12/2007	123.083.419.878	-	-	-	-	-	-	-	-	-	123.083.419.878
Tại ngày 01/01/2008	123.083.419.878	-	-	-	-	-	-	-	-	-	123.083.419.878
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	72.296.199.961						72.296.199.961
- Giảm vốn trong năm nay	18.265.012.663	-	-	-	51.838.607.125						70.103.619.788
- Giảm khác	4.818.407.215	-	-	-	2.607.970.049						7.426.377.264
Tại ngày 31/12/2008	100.000.000.000	-	-	-	17.849.622.787	-	-	-	-	-	117.849.622.787

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại 31/12/2008		Tại 01/01/2008	
	Tổng số (VND)	Tỷ lệ trên tổng vốn (%)	Tổng số (VND)	Tỷ lệ trên tổng vốn (%)
Vốn đầu tư của Nhà nước (Tập đoàn Điện lực Việt Nam)	54.336.510.000	54,34	77.419.929.878	62,90
Vốn góp (các cổ đông khác)	45.663.490.000	45,66	45.663.490.000	37,10
Cộng	100.000.000.000	100	123.083.419.878	100

13c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	123.083.419.878	112.179.614.680
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	16.658.267.198
+ Vốn góp giảm trong năm	23.083.419.878	5.754.462.000
+ Vốn góp cuối kỳ	100.000.000.000	123.083.419.878
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:	1.800	
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	10.000.000	
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ		
+ Cổ phiếu thường	10.000.000	
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu thường	10.000.000	
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	
Mệnh giá cổ phiếu:	10.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp DV	449.566.183.490	420.870.015.742
Trong đó:		
+ Doanh thu xây lắp điện	18.924.304.185	32.426.073.248
+ Doanh thu khảo sát, thiết kế công trình điện	380.236.589.175	341.709.339.507
+ Doanh thu khác	50.405.290.130	46.734.602.987
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	449.566.183.490	420.870.015.742
Trong đó:		
+ Doanh thu xây lắp điện	18.924.304.185	32.426.073.248
+ Doanh thu khảo sát, thiết kế công trình điện	380.236.589.175	341.709.339.507
+ Doanh thu khác	50.405.290.130	46.734.602.987

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Hoạt động Xây lắp điện	15.928.148.884	29.054.535.833
Hoạt động Khảo sát, thiết kế công trình điện	293.019.357.618	265.681.689.367
Hoạt động khác	50.294.990.866	46.734.602.987
Cộng	359.242.497.368	341.470.828.187

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.340.969.154	877.253.176
Cộng	1.340.969.154	877.253.176

4. Chi phí tài chính

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lãi tiền vay	16.276.816.759	10.774.229.462
Chi phí tài chính khác	4.591.200	20.571.330
Cộng	16.281.407.959	10.794.800.792

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.725.436.909	9.754.975.593
Điều chỉnh nộp thuế thu nhập bổ sung	(5.960.588)	26.352.153
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.719.476.321	9.781.327.746

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện đặc biệt trong năm, các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Theo Quyết định số 29/QĐ-HĐQT-TVĐ1 ngày 23 tháng 01 năm 2009 của Hội Đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 quyết định thành lập Công ty TNHH một thành viên Khảo sát thiết kế xây dựng điện 4 trên cơ sở chuyển đổi tổ chức của Xí nghiệp Dịch vụ Khoa học Kỹ thuật được thuộc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1, từ ngày 15 tháng 02 năm 2009, là doanh nghiệp hạch toán độc lập, thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật. Vốn điều lệ của Công ty là 6.060.000.000 đồng.

Theo quyết định số 27/QĐ-HĐQT-TVĐ1 ngày 23 tháng 01 năm 2009 của Hội Đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 quyết định thành lập Công ty TNHH một thành viên Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 1 trên cơ sở chuyển đổi tổ chức của Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng Điện 1 thuộc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1, từ ngày 15 tháng 02 năm 2009. Công ty TNHH một thành viên Khảo sát thiết kế Xây dựng Điện 1, là doanh nghiệp hạch toán độc lập, thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật. Vốn điều lệ của Công ty là 21.600.000.000 đồng.

Theo Quyết định số 28/QĐ-HĐQT-TVĐ1 ngày 23 tháng 01 năm 2009 của Hội Đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 quyết định thành lập Công ty TNHH một thành viên Khảo sát Xây dựng Điện 2 trên cơ sở chuyển đổi tổ chức của Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng Điện 2 thuộc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1, từ ngày 15 tháng 02 năm 2009. Công ty TNHH một thành viên Tư vấn Xây dựng Điện 2 là doanh nghiệp hạch toán độc lập, thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo qui định của pháp luật. Vốn điều lệ của Công ty là 4.870.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Thông tin về các bên liên quan

	Năm 2008
	VND
Doanh thu của các công trình thuộc EVN	269.595.798.141
<i>Trong đó:</i>	
Khởi Cơ quan Công ty	203.488.948.988
Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng Điện I	26.164.241.819
Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng Điện II	21.093.126.071
Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng Điện III	14.584.929.689
Xí nghiệp Dịch vụ Khoa học Kỹ thuật	4.264.551.574

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ kiểm toán và Tư vấn UHY.



Lê Văn Lực
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2009


Lê Minh Hà
Kế toán trưởng